

Mẫu số 05. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

**TÊN ĐƠN VỊ
KINH DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe:

.....

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ

+.....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ.

d) Tốc độ lữ hành:..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

.....

- Điểm dừng thứ hai

.....

- Điểm dừng thứ ba:

.....

b) Lượt về từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất.....

- Điểm dừng thứ hai.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	Đồng/hành khách
---------------	------------------------

Trong đó:	đồng/hành khách
- Giá vé (*)	
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
(Ký tên, đóng dấu)